

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2024/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

NGHỊ ĐỊNH

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH
SỐ 58/2017/NĐ-CP NGÀY 10 THÁNG 5 NĂM 2017 CỦA CHÍNH PHỦ
QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU CỦA BỘ LUẬT HÀNG HẢI
VIỆT NAM VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG HÀNG HẢI

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 như sau:

“1. Nghị định này quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải, bao gồm: Đầu tư xây dựng, khai thác cảng biển, luồng hàng hải, công trình hàng hải, báo hiệu hàng hải, thông báo hàng hải, hoạt động của hoa tiêu hàng hải và quản lý hoạt động của tàu thuyền, **tàu lặn** tại cảng biển và trong vùng biển Việt Nam.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“**Điều 4.** Nguyên tắc đầu tư xây dựng, thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư **cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu neo đậu, khu chuyển tải, khu tránh trú bão, luồng hàng hải**

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài đầu tư xây dựng cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu neo đậu, chuyên tải, ***khu tránh trú bão***, luồng hàng hải phải tuân thủ các quy định tại Nghị định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

2. Việc đầu tư xây dựng cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu neo đậu, ***khu*** chuyên tải, ***khu tránh trú bão***, luồng hàng hải phải phù hợp với quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển và các quy hoạch khác có liên quan đã được phê duyệt; trường hợp dự án đầu tư xây dựng cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu neo đậu, chuyên tải, luồng hàng hải có sự khác biệt so với quy hoạch phát triển cảng biển đã được phê duyệt, trước khi triển khai dự án, chủ đầu tư phải báo cáo và được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chấp thuận.

3. Tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu neo đậu, chuyên tải chuyên dùng có trách nhiệm đầu tư xây dựng, thiết lập kết cấu hạ tầng cảng biển, luồng hàng hải chuyên dùng, khu nước, vùng nước trừ trường hợp luồng hàng hải công cộng, vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, vùng quay trở hiện có tại khu vực đáp ứng được nhu cầu cho tàu thuyền hoạt động tại cảng chuyên dùng đó và ***bảo đảm với tiêu chí cảng xanh theo chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan của ngành giao thông vận tải;***

4. Việc quyết định chủ trương đầu tư cảng biển, bến cảng, cầu cảng và luồng hàng hải sử dụng nguồn vốn đầu tư công được thực hiện theo quy định của Luật đầu tư công.

5. Việc quyết định chủ trương đầu tư đối với cảng biển, bến cảng, cầu cảng và luồng hàng hải không thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này được thực hiện theo quy định của ***pháp luật*** đầu tư. Đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư, phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Giao thông vận tải.”

3. Sửa đổi, bổ sung tên Điều 6 và khoản 4 Điều 6 như sau:

“Điều 6. Thỏa thuận vị trí, thông số kỹ thuật chi tiết cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu neo đậu, khu chuyên tải, luồng hàng hải

4. Trước khi tiến hành xây dựng cảng biển, bến cảng, cầu cảng, ***bến phao, khu neo đậu, khu chuyên tải,*** luồng hàng hải, chủ đầu tư gửi Cục Hàng hải Việt Nam, ***Cảng vụ hàng hải*** bản sao quyết định đầu tư xây dựng công trình kèm theo bình đồ bố trí mặt bằng tổng thể, bản sao quyết định phê duyệt thiết kế xây dựng công trình để phục vụ công tác quản lý.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 và khoản 7 Điều 7 như sau:

“6. Cảng vụ hàng hải khu vực tổ chức kiểm tra, giám sát: **Hoạt động** thi công công trình theo quy định của pháp luật; vị trí, quy mô xây dựng, phương tiện thủy, thiết bị, biện pháp thi công, tiến độ thi công, công tác giám sát thi công của chủ đầu tư, phương án bảo đảm an toàn hàng hải và các nội dung cần thiết khác trong quá trình thực hiện đầu tư xây dựng cảng, bến thủy nội địa trong vùng nước cảng biển, tuân thủ quy hoạch, dự án được duyệt, bảo đảm an toàn, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường. Việc kiểm tra, giám sát chỉ kết thúc khi chủ đầu tư hoàn tất việc thi công xây dựng công trình và thanh thải các chướng ngại vật (nếu có).

7. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với bến cảng, khu neo đậu cho du thuyền.”

5. Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 3 và bổ sung các khoản 7, 8, 9 Điều 14 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 3 Điều 14 như sau:

“e) Bản sao văn bản chứng nhận an ninh bến cảng theo quy định (**đối với bến cảng có tiếp nhận tàu thuyền hoạt động tuyến quốc tế**).”

b) Bổ sung các khoản 7, 8, 9 Điều 14 như sau:

“7. Đối với tàu biển có thông số trọng tải lớn hơn trọng tải công bố của cầu, bến cảng được giảm tải phù hợp và du thuyền, giao Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện.

8. Đối với bến cảng, cầu cảng và các khu nước, vùng nước đề nghị công bố bổ sung công năng thì hồ sơ đề nghị công bố bổ sung được miễn giảm các giấy tờ quy định tại các điểm b và điểm e khoản 3 Điều này.

9. Đối với bến cảng, cầu cảng là một phần của một dự án tổng thể, sau khi hoàn thành công tác đầu tư xây dựng một phần hoặc toàn bộ bến cảng, cầu cảng có thể đưa vào khai thác trong thời gian nhất định để phục vụ quá trình vận hành, thử nghiệm dây chuyền công nghệ của dự án.”

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 22 như sau:

“2. Kết cấu hạ tầng cảng biển phải được **bảo trì và kiểm định** theo quy định.”

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 24 như sau:

“1. Dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải gồm:

a) Vận hành, bảo trì hệ thống đèn biển, đăng tiêu độc lập (bao gồm cả nhiệm vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải).

b) Vận hành, bảo trì hệ thống luồng hàng hải công cộng (bao gồm cả báo hiệu chướng ngại vật; kiểm tra thường xuyên đê chắn sóng, đê chắn cát, kè hướng dòng và kè bảo vệ bờ luồng hàng hải, nhiệm vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải);

c) Khảo sát, xây dựng và phát hành, cập nhật hải đồ vùng nước cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải;

d) Khảo sát định kỳ phục vụ công bố thông báo hàng hải đối với luồng hàng hải công cộng, khu chuyển tải, khu neo đậu, khu tránh, trú bão trong vùng nước cảng biển được giao cho cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải thuộc Bộ Giao thông vận tải quản;

đ) Thông báo hàng hải;

e) Nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng để đảm bảo độ sâu của luồng theo chuẩn tắc thiết kế;

g) Bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được giao cho cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải thuộc Bộ Giao thông vận tải quản lý.

2. Dịch vụ sự nghiệp công thông tin duyên hải.

3. Bộ Giao thông vận tải tổ chức thực hiện việc đấu thầu, đặt hàng cho các đơn vị và doanh nghiệp bảo đảm an toàn hàng hải thực hiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm hàng hải, thông tin duyên hải theo quy định.

4. Bộ Giao thông vận tải tổ chức thực hiện việc đấu thầu, đặt hàng thực hiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích bảo đảm hàng hải theo quy định.”

8. Bổ sung khoản 7a vào sau khoản 7 Điều 25 như sau:

“7a. Đối với kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời phục vụ mục đích xây dựng công trình, dự án khi công bố đưa vào sử dụng được miễn giảm các giấy tờ quy định tại các điểm d, đ Khoản 3 Điều 14 Nghị định này và văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng.”

9. Bổ sung điểm h vào sau điểm g khoản 3 Điều 39 như sau:

“h) Vùng nước hoạt động của nhà máy điện gió trên biển.”

10. Bổ sung điểm e và g khoản 2, sửa đổi, bổ sung khoản 4 và khoản 7 Điều 44 như sau:

a) Bổ sung điểm e và g vào sau điểm đ khoản 2 Điều 44 như sau:

“e) Ba (03) năm một lần, Bộ Giao thông vận tải công bố Danh mục định kỳ khảo sát các tuyến luồng hàng hải công cộng, vùng đón trả hoa tiêu.

g) Ba (03) năm một lần, Cục Hàng hải Việt Nam công bố Danh mục định kỳ khảo sát các tuyến luồng hàng hải chuyên dùng, vùng nước trước bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu chuyển tải chuyên dùng.”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 44 như sau:

“4. Thông báo hàng hải về khu vực thi công công trình trên biển, **trong vùng nước cảng biển** hoặc trên luồng hàng hải: Khu vực thi công công trình, trên biển hoặc luồng hàng hải gây ảnh hưởng đến hoạt động hàng hải, phải công bố thông báo hàng hải về công trình đó theo Mẫu số 26 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.”

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 44 như sau:

“7. Thông báo hàng hải về khu vực biển hạn chế hoặc cấm hoạt động hàng hải: Trong trường hợp một khu vực biển được sử dụng cho hoạt động diễn tập quân sự, **diễn tập ứng phó sự cố tràn dầu, phòng chống cháy nổ**, khu vực đổ chất thải, khu vực cấm neo đậu, diễn tập tìm kiếm cứu nạn, khu vực xảy ra sự cố tràn dầu hoặc chất độc hại, khu vực đổ đất, nghiên cứu khoa học, đánh bắt, nuôi trồng hải sản, giải trí, du lịch, thể thao, vùng đặt hệ thống thu thập dữ liệu hải dương hay các hoạt động dân sự khác, do tính chất công việc có thể gây nguy hiểm cho tàu thuyền qua lại trong khu vực biển đó phải công bố thông báo hàng hải về khu vực nêu trên theo Mẫu số 29 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.”

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 45 như sau:

“Điều 45. Thẩm quyền công bố thông báo hàng hải

1. Cảng vụ hàng hải thực hiện công bố thông báo hàng hải quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 44 Nghị định này.

2. Cục Hàng hải Việt Nam thực hiện công bố thông báo hàng hải quy định tại khoản 9 Điều 44 Nghị định này.”

12. Bổ sung điểm e vào sau điểm đ khoản 2 Điều 46 như sau:

“e) Đối với các công trình giao cắt với vùng nước cảng biển, luồng hàng hải phải được công bố thông báo hàng hải định kỳ tối thiểu 2 năm/lần, trừ trường hợp có quy định khác.”

13. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 1 Điều 52 như sau:

“đ) Bản sao phương án bảo đảm an toàn **hàng hải** được cấp có thẩm quyền phê duyệt;”

14. Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 2 Điều 62 như sau:

“e) Chỉ được tiến hành các hoạt động lặn (*lặn phục vụ kiểm tra, sửa chữa, bảo dưỡng tàu thuyền; lặn trục vớt tàu thuyền, tài sản chìm đắm*) hoặc các công việc ngầm dưới nước sau khi được Cảng vụ hàng hải chấp thuận. Thủ tục xin phép thực hiện như sau: Người làm thủ tục gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Cảng vụ hàng hải văn bản đề nghị theo Mẫu số 35 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Chậm nhất 04 giờ làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị, Cảng vụ hàng hải có văn bản trả lời; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.”

15. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 Điều 64 như sau:

“1. Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 80 m trở lên khi điều động cập, rời cầu cảng, bến phao; cập mạn tàu thuyền khác; quay trở trong phạm vi vùng nước trước cầu cảng, vùng nước bến phao, *vùng quay tàu* trong vùng nước cảng biển và khu vực quản lý của Cảng vụ hàng hải phải sử dụng tàu lai hỗ trợ theo quy định.

1a. Các phương tiện thủy nội địa vận chuyển hàng container có chân vịt mũi, có chiều dài dưới 92m được miễn tàu lai khi cập cầu.”

16. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 65 như sau:

“1. Khi tàu thuyền đã neo đậu an toàn tại vị trí được chỉ định, máy chính của tàu phải được duy trì ở trạng thái sẵn sàng hoạt động khi cần thiết; tàu thuyền phải được chiếu sáng vào ban đêm và duy trì đủ các *đèn hiệu*, dấu hiệu theo quy định.”

17. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và điểm e khoản 2 Điều 67 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 67 như sau:

“1. Bố trí địa điểm tàu thuyền cập cầu, vào neo đậu hoặc dịch chuyển. *Ngay sau khi có kế hoạch tiếp nhận tàu*, phải thông báo kế hoạch điều độ tàu vào, rời cảng cho Cảng vụ hàng hải để lập và triển khai kế hoạch điều độ tàu; trường hợp có thay đổi, phải thông báo ngay cho Cảng vụ hàng hải biết để điều chỉnh kế hoạch điều độ tàu thuyền trong ngày.”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 2 Điều 67 như sau:

“e) Duy trì tình trạng kỹ thuật cầu cảng, kho, bãi, phương tiện, thiết bị, độ sâu vùng nước trước cầu cảng và vùng nước khác do mình quản lý sử dụng theo quy định; định kỳ tổ chức thực hiện việc khảo sát và đề nghị công bố thông báo hàng hải vùng nước trước cầu cảng và vùng nước khác do mình quản lý sử dụng. Tổ chức *bảo trì và kiểm định kết cấu hạ tầng cảng biển theo quy định* và quy định có liên quan của pháp luật nhằm bảo đảm an toàn trong khai thác;”

18. Sửa đổi, bổ sung điểm b và điểm d khoản 1 Điều 68 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 68 như sau:

“b) *Khi neo đậu tại cầu cảng*, tàu thuyền có kích thước lớn hơn không được cập mạn với loại tàu thuyền có kích thước nhỏ hơn từ phía bên ngoài;”

b) Sửa đổi, bổ sung d khoản 1 Điều 68 như sau:

“d) Chỉ tàu thuyền công vụ, các loại tàu thuyền cấp nước, cấp dầu, cấp thực phẩm, cấp trang thiết bị và vật phẩm dự trữ, *tàu thu gom chất thải*, tàu đón, trả hoa tiêu, tàu chữa cháy, tàu chuyên tải hành khách từ tàu khách hoặc các tàu thuyền dịch vụ tương tự mới được cập mạn tàu khách.”

19. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 69 như sau:

“2. Khi neo đậu trong vùng nước cảng biển, *số lượng thuyền viên được duy trì trên tàu thuyền như sau:*

a) Đối với tàu biển: luôn duy trì ít nhất 2/3 số lượng thuyền viên với các chức danh phù hợp, trong đó phải có thuyền trưởng hoặc đại phó và máy trưởng hoặc máy hai hoặc sỹ quan máy đối với tàu biển không có máy hai để điều động hoặc xử lý trong các trường hợp khẩn cấp;

b) Đối với phương tiện thủy nội địa: luôn duy trì ít nhất 2/3 số lượng thuyền viên với các chức danh phù hợp để điều động hoặc xử lý trong các trường hợp khẩn cấp.”

20. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 71 như sau:

“2. Trường hợp tàu thuyền vào cảng và chỉ lưu lại cảng trong khoảng thời gian không quá 12 giờ, thuyền trưởng phải thông báo cho Cảng vụ hàng hải khu vực biết để phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khác có liên quan làm thủ tục cho tàu *thuyền* vào, rời cảng cùng một lúc.”

21. Bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 Điều 74 như sau:

“4. *Tàu thuyền chuyên tuyến chở vật tư, thiết bị rời cảng biển ra khỏi khu vực hàng hải để phục vụ thi công công trình, dự án trên biển thuộc địa bàn tỉnh được thực hiện thủ tục vào, rời một lần khi vào và rời cảng.”*

22. Bổ sung Điều 82a và Điều 82b vào sau Điều 82 như sau:

“**Điều 82a.** Nguyên tắc thực hiện thủ tục hành chính tàu thuyền

1. Bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử từ bản chính hồ sơ nộp qua Cổng thông tin được xác định giá trị như bản chính.

2. Không yêu cầu tổ chức, cá nhân khai, nộp lại những dữ liệu mà cơ quan thực hiện thủ tục hành chính đang quản lý hoặc đã được cơ quan nhà nước khác sẵn sàng chia sẻ.

Điều 82b. Trách nhiệm xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành hàng hải

1. Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hàng hải là tập hợp của các dữ liệu điện tử được sắp xếp, tổ chức để truy cập, khai thác, chia sẻ, quản lý và cập nhật thông qua phương tiện điện tử.

2. Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành hàng hải có trách nhiệm xây dựng khung kiến trúc cơ sở dữ liệu chuyên ngành hàng hải để làm nguồn dữ liệu điện tử kiểm tra, đối chiếu khi giải quyết thủ tục hành chính.

3. Tổ chức, doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp thông tin, cập nhật dữ liệu và chia sẻ dữ liệu cho cơ quan quản lý nhà nước khi có yêu cầu.”

23. Sửa đổi, bổ sung Điều 83 như sau:

“Điều 83. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc thực hiện thủ tục điện tử đối với tàu thuyền

1. Thủ tục điện tử đối với tàu thuyền nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, vào, rời cảng biển và hoạt động trong vùng biển Việt Nam được thực hiện thông qua Cổng thông tin điện tử. Người làm thủ tục chỉ thực hiện khai báo, gửi hồ sơ thông qua Cổng thông tin điện tử và không phải nộp, xuất trình các giấy tờ tại địa điểm làm thủ tục quy định tại Nghị định này. Trường hợp giấy tờ khai báo, gửi qua Cổng thông tin điện tử không bảo đảm điều kiện của chứng *thur* điện tử hoặc không đủ dữ liệu điện tử để kiểm tra, đối chiếu, Cảng vụ hàng hải thông báo để người làm thủ tục nộp, xuất trình tại địa điểm làm thủ tục.

2. Các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật chịu trách nhiệm lấy thông tin, chứng *thur* nộp theo phương thức điện tử từ Cổng thông tin điện tử để kiểm tra và làm thủ tục đối với tàu thuyền.

3. Người làm thủ tục, các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện nộp, thu phí, lệ phí làm thủ tục bằng phương thức điện tử *như sau*:

a) Nộp phí, lệ phí vào tài khoản chuyên thu phí, lệ phí của tổ chức thu phí, lệ phí mở tại tổ chức tín dụng. Đối với phí, lệ phí do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thu, người nộp phí, lệ phí nộp vào tài khoản chuyên thu phí, lệ phí của tổ chức thu phí, lệ phí mở tại tổ chức tín dụng hoặc tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

b) Nộp phí vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách của tổ chức thu phí mở tại Kho bạc Nhà nước.

c) Nộp phí, lệ phí qua tài khoản của cơ quan, tổ chức nhận tiền khác với tổ chức thu phí, lệ phí. Trong thời hạn 24 giờ tính từ thời điểm nhận được tiền phí, lệ phí, cơ quan, tổ chức nhận tiền phải chuyển toàn bộ tiền phí, lệ phí thu được vào tài khoản chuyên thu phí, lệ phí của tổ chức thu phí, lệ phí mở tại tổ chức tín dụng hoặc chuyển toàn bộ tiền phí thu được vào tài khoản phí chờ nộp

ngân sách của tổ chức thu phí mở tại Kho bạc Nhà nước, nộp toàn bộ tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước.

4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm áp dụng công nghệ thông tin để phục vụ việc khai báo điện tử khi làm thủ tục tàu thuyền nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, vào, rời cảng biển và hoạt động trong vùng biển Việt Nam.

5. Kinh phí đầu tư thiết lập, quản lý, vận hành khai thác hệ thống công nghệ thông tin phục vụ quản lý cảng biển và hoạt động hàng hải được sử dụng bằng nguồn vốn nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác.

6. Trường hợp thực hiện thủ tục điện tử đối với tàu thuyền, Cảng vụ hàng hải cấp Lệnh điều động điện tử cho tàu thuyền, Giấy phép quá cảnh điện tử, Giấy phép rời cảng điện tử hoặc thông báo lý do chưa thực hiện thủ tục tàu thuyền qua Cổng thông tin điện tử.”

24. Sửa đổi, bổ sung Điều 84 như sau:

“Điều 84. Chuyển đổi hình thức giữa văn bản giấy và thông điệp dữ liệu

Chuyển đổi hình thức giữa văn bản giấy và thông điệp dữ liệu thực hiện theo pháp luật về giao dịch điện tử.”

25. Sửa đổi, bổ sung Điều 85 như sau:

“Điều 85. Sử dụng chữ ký số khi làm thủ tục điện tử đối với tàu thuyền

1. Người làm thủ tục khi khai báo trên Cổng thông tin điện tử phải sử dụng chữ ký số ***công cộng***.

2. Chữ ký số sử dụng khai báo trên Cổng thông tin điện tử phải là chữ ký số ***công cộng*** tương ứng với chứng thư số được cấp bởi tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số nước ngoài được công nhận theo quy định của pháp luật.

3. Người làm thủ tục đăng ký chữ ký số ***công cộng*** để khai báo trên Cổng thông tin điện tử.”

26. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 98 như sau:

“1. Chậm nhất 02 giờ trước khi tàu biển đang đóng hoặc sửa chữa, hoán cải chạy thử người làm thủ tục nộp, xuất trình cho Cảng vụ hàng hải các giấy tờ, tài liệu dưới đây:

a) Giấy tờ phải nộp (bản chính), mỗi loại 01 bản, bao gồm: Giấy đề nghị chạy thử tàu trong đó nêu rõ ***tên hoặc số hiệu, loại tàu, chiều dài, chiều rộng, mớn nước chiều cao tĩnh không***; lý do di chuyển, nơi đến và thời gian chạy thử; Danh sách thuyền viên; Danh sách người đi theo tàu (nếu có);

b) Giấy tờ xuất trình: “Chứng chỉ chuyên môn thuyền viên; phương án lai dắt tàu trong trường hợp tàu chạy thử không sử dụng máy của tàu.”

27. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 99 như sau:

“1. Địa điểm làm thủ tục: Trụ sở chính hoặc văn phòng đại diện của Cảng vụ hàng hải.”

28. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 100 như sau:

“1. Địa điểm làm thủ tục: Trụ sở chính hoặc văn phòng đại diện của Cảng vụ hàng hải.”

29. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 103 như sau:

“4. *Ngay sau khi có kế hoạch dẫn tàu*, tổ chức hoa tiêu phải gửi kế hoạch dẫn tàu của ngày kế tiếp để Cảng vụ hàng hải lập kế hoạch điều động tàu vào, rời cảng, quá cảnh hoặc di chuyển trong vùng nước cảng biển; trường hợp có thay đổi hoặc yêu cầu phát sinh khác phải thông báo ngay cho Cảng vụ hàng hải biết để kịp thời điều chỉnh kế hoạch điều động tàu trong ngày.”

30. Bổ sung Chương IVa vào sau Chương IV như sau:

“Chương IVa

QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG TÀU LẶN CHỖ KHÁCH HOẠT ĐỘNG TRONG VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN VIỆT NAM

Điều 105a. Quy định chung về quản lý hoạt động tàu lặn chỗ khách

1. Tàu lặn chỉ được phép tiến hành hoạt động lặn tại khu vực riêng đã được công bố khi đảm bảo các điều kiện về an toàn kỹ thuật tàu lặn và quy trình vận hành an toàn tàu lặn.

2. Khi tiến hành hoạt động lặn, ngoài những người điều khiển tàu lặn thuộc thuyền bộ và hành khách đi theo tàu lặn, chỉ những người có nhiệm vụ do cơ quan có thẩm quyền chấp thuận mới được phép lên tàu lặn.

3. Ngoài phương tiện hỗ trợ, phương tiện giám sát tàu lặn, tàu thuyền không được vào khu vực lặn khi chưa được cấp phép hay chấp thuận bằng văn bản của Cảng vụ hàng hải.

4. Tại các khu vực quy định tại khoản 1 Điều này, Chủ tàu, người khai thác tàu lặn phải bố trí phương tiện giám sát, cảnh giới, điều tiết giao thông khu vực lặn và giám sát quá trình lặn.

5. Chỉ huy hoạt động lặn phải có mặt trên phương tiện hỗ trợ tàu lặn khi tổ chức hoạt động lặn; duy trì liên lạc với Cảng vụ hàng hải thông qua VHF hoặc các thiết bị thông tin liên lạc khác.

6. Phương tiện hỗ trợ tàu lặn, phương tiện giám sát tàu lặn phải duy trì hoạt động của thiết bị nhận dạng tự động theo quy định.

7. Việc thực hiện hoạt động lặn của tàu lặn phải được thực hiện đúng theo quy trình vận hành an toàn tàu lặn ghi trong Sổ tay Vận hành và Khai thác tàu lặn của cơ sở kinh doanh tàu lặn được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

8. Cảng vụ hàng hải tổ chức kiểm tra việc chấp hành chính sách, pháp luật của tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ hoạt động tàu lặn.

Điều 105b. Vùng hoạt động tàu lặn

1. Tàu lặn chở khách chỉ được hoạt động trong khu vực hoạt động được quy định trong Giấy chứng nhận đăng kiểm.

2. Vùng nước hoạt động của tàu lặn phải được bố trí báo hiệu theo quy định.

3. Vùng hoạt động của tàu lặn phụ thuộc vào tính năng của phương tiện, các chứng chỉ được cấp cho người lái phương tiện.

Điều 105c. Trách nhiệm của chủ tàu, người khai thác tàu lặn chở khách

1. Xây dựng và duy trì hệ thống quản lý an toàn tàu lặn và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Xây dựng quy trình vận hành bảo đảm an ninh, an toàn, có các biện pháp bảo vệ môi trường và chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do làm ô nhiễm môi trường.

3. Xây dựng phương án bảo đảm an toàn và cứu hộ cứu nạn bao gồm cả phương án ứng phó cứu nạn trên mặt nước, dưới mặt nước gửi Cảng vụ hàng hải (đối với phương án đảm an toàn và cứu hộ cứu nạn trên mặt nước) hoặc Bộ Quốc phòng (đối với phương án bảo đảm an toàn và cứu hộ cứu nạn dưới mặt nước) lấy ý kiến các đơn vị để thống nhất áp dụng.

4. Chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo người điều khiển tàu lặn.

5. Thực hiện việc đăng ký, đăng kiểm cho các phương tiện tham gia (bao gồm tàu lặn, tàu mẹ, tàu hoa tiêu).

6. Phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền hoàn thành bàn giao khu vực biển và thỏa thuận thuê mặt nước; hoàn thiện việc thiết kế, thi công kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động của tàu lặn để công bố thông báo hàng hải và thiết lập báo hiệu hàng hải theo quy định pháp luật.

7. Mua bảo hiểm và thực hiện các nghĩa vụ về bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại về con người, môi trường liên quan đến khai thác dịch vụ tàu lặn chở khách theo quy định.

8. Đáp ứng các yêu cầu về cấp phép kinh doanh theo quy định của pháp luật.

9. Chỉ định bằng văn bản một người có năng lực và có kiến thức đầy đủ về các kỹ thuật được sử dụng trong hoạt động lặn làm chỉ huy hoạt động lặn.

10. Bố trí đủ định biên an toàn tối thiểu khi tàu lặn tham gia hoạt động lặn.

Điều 105d. Trách nhiệm của người điều khiển tàu lặn chở khách

1. Thông thạo các quy trình vận hành tàu lặn để đảm bảo hoạt động an toàn cho thuyền bộ và hành khách.

2. Thực hiện kiểm tra các Danh mục trước và sau khi lặn, các quy trình khẩn cấp.

3. Sử dụng trang thiết bị an toàn, thông tin liên lạc và được đào tạo các kiến thức về hướng dẫn du lịch, phục vụ hành khách.

4. Lưu giữ sổ nhật ký trong đó phải có chữ ký và hình ảnh của nhân viên lái tàu lặn sau mỗi chuyến lặn và được lưu giữ ít nhất 02 năm.

Điều 105đ. Trách nhiệm của Thuyền trưởng các phương tiện khi tham gia khai thác tàu lặn chở khách

1. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và các quy định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Thường xuyên đôn đốc thuyền viên kiểm tra, duy trì trạng thái hoạt động tốt của các thiết bị an toàn, phòng cháy chữa cháy và các thiết bị bảo vệ môi trường.

3. Phân công trách nhiệm, phân ca trực cho từng thuyền viên theo từng vị trí đảm bảo thường xuyên, liên tục trong quá trình hoạt động, khai thác phương tiện do mình được giao quản lý.

4. Tổ chức hướng dẫn các quy định về an toàn, thủ tục khẩn cấp, sử dụng các trang thiết bị cứu sinh (áo phao, khu vực thoát hiểm, trang thiết bị cứu hỏa...) cho hành khách.

5. Kiểm tra, đối chiếu danh sách hành khách, thuyền viên có tên trong danh sách hành khách và danh bạ thuyền viên đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về những vấn đề an toàn, an ninh trật tự đối với hành khách, thuyền viên trong quá trình hoạt động.

7. Kịp thời ngăn chặn và thông báo cho các cơ quan có chức năng để tiến hành xử lý các hoạt động trái pháp luật.

Điều 105e. Trách nhiệm của chỉ huy hoạt động lặn

1. *Chỉ huy hoạt động lặn phải đảm bảo rằng hoạt động lặn được thực hiện đảm bảo an toàn và phù hợp với hướng dẫn vận hành do chủ tàu lặn cấp theo quy định.*

2. *Chỉ huy hoạt động lặn phải kịp thời áp dụng các biện pháp ứng cứu và hỗ trợ hiệu quả khi xảy ra sự cố hoặc tai nạn liên quan đến việc hoạt động lặn; đồng thời phải báo cáo ngay cho cảng vụ hàng hải và các cơ quan chức năng có liên quan để triển khai việc phối hợp ứng cứu.*

3. *Chỉ huy hoạt động lặn chỉ được phép bắt đầu lặn khi:*

a) *Thuyền trưởng các phương tiện hỗ trợ đã xác nhận theo các nhiệm vụ đã được thực hiện và đảm bảo an toàn;*

b) *Việc thông báo, xác báo cho cảng vụ hàng hải đã được thực hiện;*

c) *Việc kiểm tra trước khi lặn đối với tàu lặn và các hệ thống liên quan của nó đã được thực hiện, danh sách kiểm tra trước khi lặn đã được người điều khiển tàu lặn ký và có chữ ký của chỉ huy hoạt động lặn;*

d) *Đảm bảo việc kiểm tra sau lặn được thực hiện trên tàu lặn, tất cả các hệ thống liên quan của nó sau lần lặn cuối cùng trước đó và bất kỳ khiếm khuyết nào được chỉ ra bởi các kiểm tra đó đã được khắc phục; có chữ ký của người chịu trách nhiệm bảo trì tàu lặn và chữ ký của chỉ huy hoạt động lặn;*

đ) *Đảm bảo rằng người điều khiển tàu lặn thông thạo quy trình vận hành tàu lặn và được cung cấp một bản sao các quy trình khẩn cấp được nêu trong hướng dẫn vận hành trên tàu lặn;*

g) *Người điều khiển tàu lặn và thuyền viên tàu lặn đã được thông báo đầy đủ về trách nhiệm và nhiệm vụ của họ;*

h) *Gió, trạng thái biển, tầm nhìn và dòng thủy triều dự báo nằm trong giới hạn vận hành an toàn như được nêu chi tiết trong quy trình vận hành;*

i) *Tàu lặn có khả năng kiểm soát đầy đủ độ sâu của nước không lớn hơn độ sâu hoạt động tối đa của tàu lặn;*

k) *Người điều khiển tàu lặn và thuyền viên tàu lặn được nghỉ ngơi đầy đủ;*

l) *Các thiết bị hỗ trợ đã được kiểm tra và đang hoạt động tốt;*

m) *Có đủ số lượng người theo quy định để vận hành trang thiết bị, phương tiện tiến hành hoạt động lặn an toàn.*

Điều 105g. Trách nhiệm của hành khách

1. *Tuân theo mệnh lệnh của người lái tàu lặn.*

2. *Tuân thủ các biện pháp phòng ngừa an toàn và thông thạo các thủ tục khẩn cấp.*

Điều 105h. Quy định về thỏa thuận vị trí, quy mô bến phao neo đậu phục vụ cho hoạt động tàu lặn

Về thỏa thuận vị trí, quy mô bến phao neo đậu phục vụ cho tàu lặn thực hiện theo Điều 6 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ và Nghị định số 143/2017/NĐ-CP ngày 14/12/2017 của Chính phủ quy định bảo vệ công trình hàng hải và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

Điều 105i. Quy định về công bố bến phao neo đậu phục vụ hoạt động tàu lặn

Thủ tục công bố bến phao neo đậu phục vụ hoạt động tàu lặn thực hiện theo quy định tại Điều 14 và Điều 17 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ.

Điều 105k. Quy định về đăng ký, xóa đăng ký và mua bán tàu lặn

Thủ tục đăng ký, xóa đăng ký và mua bán tàu lặn được thực hiện theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển.

Điều 105l. Quy định về chứng chỉ của người điều khiển tàu lặn và định biên của tàu lặn chở khách

1. Tiêu chuẩn của người điều khiển tàu lặn

a) Có kinh nghiệm và chứng chỉ được cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc công nhận về vận hành tàu lặn;

b) Đã được hướng dẫn lý thuyết và thực tiễn trong hoạt động khai thác tàu lặn dưới sự giám sát của người có kinh nghiệm và năng lực trong hoạt động tàu lặn;

c) Có bằng cấp chứng minh khả năng điều khiển tàu lặn và lý thuyết về tàu lặn;

d) Có Giấy chứng nhận sức khỏe được cấp không quá 6 tháng phù hợp với thực hiện nhiệm vụ người điều khiển tàu lặn.

2. Chương trình đào tạo người điều khiển tàu lặn

a) Người khai thác dịch vụ tàu lặn trình cơ quan có thẩm quyền chương trình đào tạo và kế hoạch thực tập của nhân viên điều khiển tàu lặn tại vùng tàu lặn sẽ hoạt động;

b) Người điều khiển tàu lặn phải được tổ chức quốc tế hoặc nhà sản xuất tàu lặn sát hạch và cấp chứng chỉ trên cơ sở xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam;

c) Chương trình đào tạo, huấn luyện, tài liệu giảng dạy theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hoặc chương trình của nước ngoài được cấp có thẩm quyền Việt Nam phê duyệt.

3. Định biên của tàu lặn

Trên cơ sở hồ sơ thiết kế tàu lặn do nhà sản xuất cung cấp, Chủ tàu lặn có trách nhiệm bố trí đầy đủ người làm việc trên tàu lặn theo hướng dẫn của nhà sản xuất, phù hợp với đặc tính kỹ thuật của phương tiện và thực tế khai thác, sử dụng và chịu trách nhiệm về việc bố trí này. Người làm việc trên tàu lặn phải có tiêu chuẩn, chứng chỉ chuyên môn phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 105m. Điều kiện tiến hành hoạt động lặn

1. Điều kiện chung

a) Các phương tiện tham gia các hoạt động liên quan đến tàu lặn chở khách phải được đăng ký, đăng kiểm theo quy định;

b) Tuân thủ vùng hoạt động, thời gian khai thác được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký, đăng kiểm, tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hàng hải, pháp luật đường thủy nội địa và pháp luật khác có liên quan;

c) Phải chấp hành nghiêm các quy định liên quan đến an toàn, an ninh hàng hải, bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác của pháp luật có liên quan trong quá trình hoạt động;

d) Các kết cấu hạ tầng, bến phao neo, báo hiệu hàng hải phục vụ hoạt động lặn phải được thiết lập, công bố theo quy định trước khi tiến hành các hoạt động lặn;

đ) Phải bố trí đầy đủ thuyền viên theo định biên và được đào tạo, huấn luyện vận hành tàu lặn theo quy định tại Điều 105l của Chương này.

2. Tàu lặn chỉ được phép tiến hành hoạt động lặn sau khi đáp ứng các yêu cầu tại khoản 1 Điều này và các điều kiện sau đây:

a) Thực hiện đầy đủ các bước kiểm tra trước khi lặn theo Sổ tay Quản lý an toàn (SMM), kết quả kiểm tra đạt các yêu cầu được quy định tại SMM.

b) Điều kiện liên quan đến thời tiết, thủy văn (độ cao sóng, gió, độ sâu, dòng hải lưu) theo Giấy chứng nhận phân cấp của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

c) Các thiết bị liên lạc (đàm thoại dưới nước (UWT) và đàm thoại VHF của tàu lặn và tàu giám sát (tàu hoa tiêu) phải đảm bảo hoạt động liên tục trong quá trình vận hành tàu lặn.

d) Tuân thủ các quy định khác của Chương này.

Điều 105n. Thủ tục phương tiện vào, rời khu vực hàng hải

1. **Thông báo hoạt động lặn:** Trước 16 giờ 00 hàng ngày, Chỉ huy hoạt động tàu lặn báo cáo kết quả số chuyến vận chuyển hành khách thực hiện được trong ngày và gửi kế hoạch dự kiến số chuyến của ngày hôm sau theo Mẫu số 63 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. **Xác báo hoạt động tàu lặn:** Trước 8 giờ 00 hàng ngày, Chỉ huy hoạt động của tàu lặn xác báo kế hoạch số chuyến hoạt động của tàu lặn và số hành khách cho mỗi chuyến (nếu có sự thay đổi so với kế hoạch đã gửi ngày hôm trước) Mẫu số 64 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

3. **Phương thức gửi báo cáo và kế hoạch:** Các báo cáo và kế hoạch hoạt động của tàu lặn được gửi tới Cảng vụ hàng hải bằng một trong các hình thức hình thức văn bản hoặc fax hoặc email theo địa chỉ phải được xác nhận giữa các bên về thông tin liên lạc.

4. **Thông báo tiến hành hoạt động của tàu lặn:**

a) Trước khi tiến hành hoạt động lặn, Chỉ huy hoạt động tàu lặn phải gửi hồ sơ tới Trục ban cảng vụ hàng hải để thực hiện công tác giám sát, kiểm tra. Hồ sơ gồm có: Danh mục kiểm tra; Danh sách thuyền viên theo mẫu số 47 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ; Danh sách hành khách tham gia từng chuyến lặn theo mẫu số 48 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ.

b) Chỉ huy hoạt động tàu lặn chủ trì, phối hợp với Thuyền trưởng các tàu trợ giúp và chịu trách nhiệm quyết định cho phép tàu lặn xuống hoặc nổi lên mặt nước sau khi đã kiểm tra đầy đủ các điều kiện đảm bảo an toàn cho hoạt động lặn theo Quy trình đã được ban hành.

c) Chỉ huy hoạt động tàu lặn có trách nhiệm thông báo kết thúc chuyến lặn đến Trục ban cảng vụ hàng hải, các vấn đề phát sinh khác (nếu có) theo các kênh thông tin liên lạc.

5. Trên cơ sở thông báo, xác báo hoạt động lặn, Cảng vụ hàng hải căn cứ điều kiện thực tế, thông số kỹ thuật của tàu lặn và ý kiến của các cơ quan quản lý nhà nước để xem xét quyết định chấp thuận cho tàu lặn tiến hành hoạt động lặn thông qua Kế hoạch hoạt động lặn theo Mẫu số 65 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này gồm các thông tin: thứ tự chuyến lặn, thời gian bắt đầu lặn, thời gian kết thúc lặn, số hành khách trên chuyến lặn, thuyền viên trên chuyến lặn.

Điều 105o. Quy định về công tác phối hợp trong công tác tìm kiếm cứu nạn khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động lặn

1. Hoạt động tìm kiếm cứu nạn được thực hiện theo phương án bảo đảm an ninh, an toàn và tìm kiếm cứu nạn trong quá trình hoạt động tàu lặn do các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Việc phối hợp trao đổi thông tin liên quan đến tai nạn, sự cố, đảm bảo an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm phải nhanh chóng, kịp thời, đầy đủ và chính xác.

3. Các bên có liên quan khi nhận được thông tin về tai nạn, sự cố trong hoạt động tàu lặn phải thông báo, chuyển giao kịp thời chính xác thông tin nhận được tới đơn vị chủ trì xử lý tai nạn, sự cố, đảm bảo an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường.

4. Đối với các vụ việc tìm kiếm cứu nạn xảy ra trên mặt nước, trách nhiệm chủ trì phối hợp tìm kiếm, cứu nạn được thực hiện theo Quyết định số 06/2014/QĐ-TTg ngày 20/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế phối hợp tìm kiếm cứu nạn trên biển và trong vùng nước cảng biển.

5. Ủy ban Quốc gia tìm kiếm cứu nạn 2 chủ trì phối hợp hoạt động tìm kiếm, cứu nạn đối các vụ việc tìm kiếm cứu nạn xảy ra dưới mặt nước.

Điều 105p. Báo cáo tai nạn, sự cố

1. Trong trường hợp tai nạn hàng hải xảy ra trong vùng nước cảng biển và vùng biển Việt Nam, người điều khiển tàu lặn hoặc người có trách nhiệm cao nhất trên tàu lặn phải thông báo ngay cho Cảng vụ hàng hải nơi gần nhất. Trường hợp những người này không thực hiện được thông báo thì chủ tàu lặn liên quan đến tai nạn có trách nhiệm báo cáo. Nội dung thông báo bao gồm: thời gian và địa điểm xảy ra tai nạn trong đó có thông tin về người bị thiệt mạng, mất tích hoặc bị thương.

2. Người điều khiển tàu lặn phải nhập vào sổ nhật ký hoạt động chi tiết tai nạn, sự cố bao gồm nội dung như sau: ngày, thời gian xảy ra tai nạn; vị trí xảy ra tai nạn, sự cố; mô tả về tai nạn, sự cố hay bất kỳ hoạt động chìm nào được thực hiện; mô tả về bất cứ thiệt hại do tàu lặn hoặc do thiết bị gây ra tại thời điểm tai nạn xảy ra; tên cảng hoặc nơi đăng ký; tên người thiệt mạng hoặc bị thương; tên và địa chỉ mô tả bất kỳ thương tích nào bao gồm cả thương tích dẫn đến tử vong; tên và địa chỉ của bất kỳ nhân chứng.

3. Cảng vụ hàng hải nơi gần nhất khi nhận được thông báo hoặc biết tin về tai nạn, sự cố xảy ra có trách nhiệm chuyển ngay các thông tin đó cho các cơ quan, tổ chức sau đây: Cảng vụ hàng hải được giao quản lý khu vực tàu xảy ra tai nạn; Cục Hàng hải Việt Nam; Tổng Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải, nếu tai nạn gây hư hỏng, làm mất tác dụng các thiết bị trợ giúp hàng hải hoặc ảnh hưởng đến an toàn hàng hải của tàu thuyền; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, nếu tai nạn gây ra hoặc có khả năng gây ra ô nhiễm môi trường hoặc tổn hại đến nguồn lợi thủy sản.

4. Trong vòng 3 ngày từ ngày xảy ra tai nạn, người điều khiển hoạt động tàu lặn gửi bản sao chi tiết tai nạn, sự cố đến chủ tàu lặn.

5. Thông báo có thể được gửi bằng các phương thức thông tin liên lạc phù hợp.

Điều 105q. Điều tra tai nạn, sự cố

1. Tàu trung chuyển hành khách bị nạn, sự cố thì thẩm quyền điều tra tai nạn thực hiện theo các quy định của pháp luật về hàng hải và pháp luật đường thủy nội địa.

2. Bộ Quốc phòng tổ chức điều tra tai nạn, sự cố đối với tàu lặn.”

31. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 107 như sau:

“2. Việc cứu người bị nạn là nghĩa vụ bắt buộc đối với mọi tổ chức, cá nhân, tàu thuyền và các phương tiện khác khi đang hoạt động ở trong vùng nước cảng biển và vùng biển Việt Nam. Tàu thuyền khi **nhận được yêu cầu cứu nạn của cơ quan chủ trì tìm kiếm cứu nạn hoặc** phát hiện hay nhận được tín hiệu cấp cứu của người hoặc tàu thuyền khác gặp nạn trên biển hoặc trong vùng nước cảng biển, nếu điều kiện thực tế cho phép và không gây nguy hiểm nghiêm trọng cho người và tàu thuyền của mình phải bằng mọi cách tiến hành cứu giúp người gặp nạn, kể cả việc phải đi chệch hướng, chệch khỏi hành trình đã định và phải kịp thời thông báo cho tổ chức, cá nhân có liên quan biết. Tàu thuyền bị thiệt hại nhẹ hơn phải cứu trợ tàu thuyền bị thiệt hại nặng hơn cho dù lỗi gây ra tai nạn, sự cố không phải là của tàu thuyền mình.”

32. Sửa đổi, bổ sung tên Điều 110 và khoản 2 Điều 110 như sau:

“Điều 110. Vận chuyển hành khách, hàng hóa, khai thác khoáng sản, đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản trong vùng nước cảng biển

2. Hoạt động khai thác khoáng sản, đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản trong vùng nước cảng biển chỉ được thực hiện khi không ảnh hưởng đến hoạt động hàng hải, an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và bảo vệ môi trường tại khu vực.”

33. Bổ sung điểm c vào sau điểm b khoản 8 Điều 113 như sau:

“c) Đón, trả hành khách.”

34. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 114 như sau:

“2. Giám đốc Cảng vụ hàng hải có trách nhiệm **chủ trì điều hành trong việc phối hợp** các hoạt động ứng cứu tàu thuyền bị cháy, nổ ở trong vùng nước cảng biển cho đến khi người chỉ huy có thẩm quyền của lực lượng phòng, chống cháy, nổ chuyên trách có mặt tại hiện trường.”

35. Bổ sung các biểu mẫu số 63, 64 và 65 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2024.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm hướng dẫn và thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư,

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phụ lục

**Mẫu các văn bản sử dụng trong Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều
của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP**

(Kèm theo Nghị định số /2024/NĐ-CP ngày tháng năm 2024 của Chính phủ)

1. Mẫu số 63: Thông báo hoạt động lặn.
2. Mẫu số 64: Xác báo hoạt động lặn
3. Mẫu số 65. Kế hoạch hoạt động lặn ngày

CÔNG TY
BỘ PHẬN TÀU LẶN
 Số:/.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO HOẠT ĐỘNG LẶN

Kính gửi:

I. Báo cáo kết quả hoạt động ngày/..../.....

| | Số đăng ký | Tổng số chuyến | Tổng số hành khách | Ghi chú (Các vấn đề phát sinh nếu có) |
|------------------|------------|----------------|--------------------|---------------------------------------|
| Tàu trung chuyển | | | | |
| Tàu lặn | | | | |
| | | | | |

II. Kế hoạch dự kiến ngày...../...../.....

1. Đối với tàu trung chuyển:

| STT | Tên tàu | Số đăng ký | Thông số tàu | Chuyến số | Thời gian dự kiến bắt đầu-kết thúc | Số khách | Bến/cảng xuất phát | Khu vực hoạt động lặn | Ghi chú |
|-----|---------|------------|--------------|-----------|------------------------------------|----------|--------------------|-----------------------|---------|
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |

2. Đối với tàu lặn:

| STT | Tên tàu | Số đăng ký | Chuyến số | Thuyền trưởng/Người điều khiển tàu lặn | Thời gian bắt đầu | Thời gian kết thúc | Số khách | Ghi chú |
|-----|---------|------------|-----------|--|-------------------|--------------------|----------|---------|
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |

Ghi chú:

- Thời gian báo cáo chậm nhất là vào lúc 16h00 hàng ngày.
- Trong ngày kế tiếp, sẽ xác báo bổ sung nếu có sự thay đổi so với Kế hoạch đã gửi ngày hôm trước.

....., ngàythángnăm 202....

Chỉ huy hoạt động tàu lặn

CÔNG TY
BỘ PHẬN TÀU LẶN
 Số:/.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

XÁC BÁO HOẠT ĐỘNG LẶN

Kính gửi:

Kế hoạch dự kiến ngày/...../.....

1. Đối với tàu trung chuyển:

| STT | Tên tàu | Số đăng ký | Thông số tàu | Chuyến số | Thời gian dự kiến bắt đầu- kết thúc | Số khách | Bến/cảng xuất phát | Khu vực hoạt động lặn | Ghi chú |
|-----|---------|------------|-----------------|-----------|---|----------|-----------------------|-----------------------------|---------|
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |

2. Đối với tàu lặn:

| STT | Tên tàu | Số đăng ký | Chuyến số | Thuyền trưởng/Người điều khiển tàu lặn | Thời gian bắt đầu | Thời gian kết thúc | Số khách | Ghi chú |
|-----|---------|------------|-----------|---|----------------------|-----------------------|----------|---------|
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |

....., ngàythángnăm 202...

Chỉ huy hoạt động tàu lặn

CÔNG TY
BỘ PHẬN TÀU LẶN

Số:/.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mẫu số 65

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG LẶN NGÀY/...../.....

1. Đối với tàu trung chuyển:

| STT | Tên tàu | Số đăng ký | Thông số tàu | Chuyến số | Thời gian dự kiến bắt đầu-kết thúc | Số khách | Bến/cảng xuất phát | Khu vực hoạt động lặn | Ghi chú |
|-----|---------|------------|--------------|-----------|------------------------------------|----------|--------------------|-----------------------|---------|
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |

2. Đối với tàu lặn:

| STT | Tên tàu | Số đăng ký | Chuyến số | Thuyền trưởng/Người điều khiển tàu lặn | Thời gian bắt đầu | Thời gian kết thúc | Số khách | Ghi chú |
|-----|---------|------------|-----------|--|-------------------|--------------------|----------|---------|
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |

Người lập kế hoạch

....., ngàythángnăm 202....

Người duyệt